

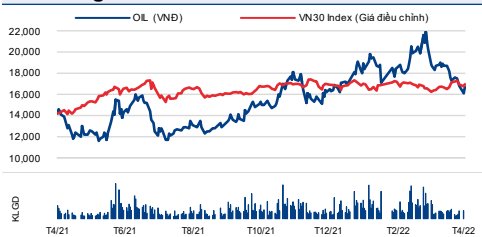
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ20,600
 Tiềm năng tăng/giảm: 23.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (13/4/2022)	16,700
Mã Bloomberg	OIL VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,600-21,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	18,177
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	794
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,088
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	72.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	5.90
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	6.62%
Tỷ lệ sở hữu của NN	6.08%
Tỷ lệ freefloat	9.66%
Cổ đông lớn	PVN (80.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	57,836	71,618	75,212
EBITDA đc (tỷ đồng)	992	1,022	1,087
LNTT (tỷ đồng)	961	987	1,086
LNT ĐC (tỷ đồng)	589	611	666
FCF (tỷ đồng)	528	(295)	453
EPS ĐC (đồng)	569	591	644
DPS (đồng)	0	0	300
BVPS (đồng)	9,667	10,206	10,491
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	125	3.08	6.35
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	650	2.30	8.63
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.71	1.43	1.45
Tỷ suất LNTT (%)	1.66	1.38	1.44
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.07	0.88	0.91
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	45.2
Nợ thuần/VCSH (%)	17.5	22.7	23.6
ROAE (%)	6.34	6.14	6.41
ROACE (%)	5.81	5.43	5.44
EV/doanh thu (lần)	0.35	0.29	0.28
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.3	20.4	19.5
P/E ĐC (lần)	29.3	28.2	25.9
P/B (lần)	1.73	1.64	1.59
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.80

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty xăng dầu thứ hai Việt Nam với khoảng 25% thị phần và mạng lưới phân phối khoảng 600 cửa hàng xăng dầu COCO

Chuyên viên phân tích

Trương Thu Mỹ
 Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
 my.tt@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4806

Q1/2022: Vượt dự báo nhờ cơ chế giá thuận lợi

- KQKD sơ bộ Q1/2022 mạnh mẽ và vượt dự báo của HSC. Doanh thu và LNTT tăng lần lượt 51,3% và 42,8%.
- KQKD khả quan nhờ nhu cầu tiêu thụ xăng dầu hồi phục sau khi các hoạt động trở lại bình thường sau đại dịch và biến động giá dầu thuận lợi trong Q1/2022.
- OIL hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 27,9 lần, cao hơn 0,2 lần độ lệch chuẩn so với mức bình quân trong quá khứ là 26,3 lần (tính từ tháng 9/2019).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q1/2022

OIL công bố ước tính KQKD Q1/2022 với doanh thu đạt 17.800 tỷ đồng (tăng 51% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 295 tỷ đồng (tăng 43% so với cùng kỳ) với sản lượng tiêu thụ đạt 875.000m³ xăng. Sản lượng tiêu thụ và LNTT vượt lần lượt 3% và 5% dự báo của HSC.

Lợi nhuận khả quan nhờ nhu cầu hồi phục và cơ chế giá thuận lợi

Trong Q1/2022, tổng sản lượng tiêu thụ của OIL đạt 875.000m³, tăng khoảng 6% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu hồi phục.

Trong khi đó, giá bán bình quân trong Q1/2022 của OIL tăng khoảng 45% so với cùng kỳ sau khi giá dầu thô tăng 60%. Do cả chi phí đầu vào và giá bán đều có xu hướng tăng, OIL có thể củng cố lợi nhuận bằng cách tích lũy hàng tồn kho ở mức cao trong Q1/2022.

Triển vọng tích cực trong những quý sắp tới

Chúng tôi cho rằng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong những quý sắp tới sẽ vẫn ở mức cao nhờ áp dụng trạng thái bình thường mới.

HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo giai đoạn 2022-2024

HSC duy trì dự báo giai đoạn 2022-2024 và giá mục tiêu là 20.600đ (tiềm năng tăng giá 23%). OIL hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 27,9 lần, cao hơn 0,2 lần độ lệch chuẩn so với mức bình quân trong quá khứ là 26,3 lần (tính từ tháng 9/2019).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 14/4

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q1/2022, OIL

LNTT vượt dự báo của HSC 5%

Tỷ đồng	Q1/2022	So với cùng kỳ	Q1/022 so với cả năm 2022
Doanh thu	17,800	51.3%	24.8%
LNTT	295	42.8%	30.0%
Sản lượng tiêu thụ (triệu m ³)	0.88	6.0%	27.8%

Nguồn: OIL, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	50,028	57,836	71,618	75,212	79,504
Lợi nhuận gộp	1,958	3,186	3,437	3,680	3,941
Chi phí BH&QL	(2,328)	(2,567)	(2,796)	(3,009)	(3,237)
Thu nhập khác	-	50.1	0	0	0
Chi phí khác	-	(21.6)	0	0	0
EBIT	(371)	648	640	671	704
Lãi vay thuần	241	216	249	314	339
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(7.78)	69.0	78.1	80.4	82.8
Lợi nhuận khác	26.5	28.5	20.0	20.0	20.0
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	(111)	961	987	1,086	1,145
Chi phí thuế TNDN	(55.2)	(175)	(178)	(206)	(218)
Lợi ích cổ đông thiểu số	53.9	(169)	(178)	(193)	(204)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(112)	617	631	686	724
Lợi nhuận thuần ĐC	360	589	611	666	704
EBITDA ĐC	441	992	1,022	1,087	1,157
EPS (đồng)	(108)	597	611	663	700
EPS ĐC (đồng)	348	569	591	644	680
DPS (đồng)	0	0	0	300	300
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	1,034
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	1,034
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	1,034

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	3,534	3,065	3,278	3,378	3,442
Đầu tư ngắn hạn	5,922	7,932	8,725	9,597	10,557
Phải thu khách hàng	4,906	7,423	9,009	9,461	10,001
Hàng tồn kho	1,827	2,578	3,067	3,217	3,399
Các tài sản ngắn hạn khác	156	267	346	363	384
Tổng tài sản ngắn hạn	16,345	21,264	24,425	26,018	27,782
TSCĐ hữu hình	2,459	2,262	1,960	1,625	1,254
TSCĐ vô hình	1,528	1,612	1,743	1,884	2,034
Bất động sản đầu tư	113	109	106	103	101
Đầu tư dài hạn	46.4	92.4	94.1	95.8	97.5
Đầu tư vào Cty LD,LK	708	710	710	731	753
Tài sản dài hạn khác	876	858	1,023	1,073	1,133
Tổng tài sản dài hạn	5,730	5,642	5,636	5,512	5,373
Tổng cộng tài sản	22,075	26,906	30,060	31,530	33,155
Nợ ngắn hạn	4,001	4,632	5,455	5,723	6,045
Phả trả người bán	2,396	6,040	7,500	7,869	8,312
Nợ ngắn hạn khác	4,056	3,619	3,896	4,204	4,531
Tổng nợ ngắn hạn	11,228	15,448	17,945	18,994	20,153
Nợ dài hạn	93.7	105	108	102	95.2
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	140	122	122	122	122
Nợ dài hạn khác	47.1	45.1	23.7	24.2	24.8
Tổng nợ dài hạn	281	272	253	248	242
Tổng nợ phải trả	11,509	15,720	18,198	19,241	20,394
Vốn chủ sở hữu	9,488	9,998	10,555	10,851	11,179
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,078	1,188	1,307	1,438	1,582
Tổng vốn chủ sở hữu	10,566	11,186	11,862	12,288	12,761
Tổng nợ phải trả và VCSH	22,075	26,906	30,060	31,530	33,155
BVPS (đ)	9,174	9,667	10,206	10,491	10,809
Nợ thuần*/(tiền mặt)	561	1,673	2,284	2,446	2,698

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	(371)	648	640	671	704
Khấu hao	(378)	(344)	(382)	(416)	(453)
Lãi vay thuần	241	216	249	314	339
Thuế TNDN đã nộp	(55.2)	(175)	(178)	(206)	(218)
Thay đổi vốn lưu động	877	1,419	(2,363)	(555)	(722)
Khác	176	(1,726)	1,185	32.5	69.3
LCT thuần từ HKKD	1,246	726	(85.3)	673	626
Đầu tư TS dài hạn	(82.0)	(198)	(209)	(219)	(230)
Góp vốn & đầu tư	(10,371)	(9,261)	(793)	(872)	(960)
Thanh lý	9,911	7,265	0	0	0
Khác	378	382	477	568	623
LCT thuần từ HĐĐT	(164)	(1,812)	(526)	(524)	(567)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	(310)	(310)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(523)	644	824	262	316
Khác	0	(0.55)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(523)	643	824	(48.1)	5.46
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,966	3,534	3,065	3,278	3,378
LCT thuần trong kỳ	558	(442)	213	101	63.6
Ảnh hưởng của tỷ giá	9.12	(26.5)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,534	3,065	3,278	3,378	3,442
Dòng tiền tự do	1,164	528	(295)	453	395

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	3.91	5.51	4.80	4.89	4.96
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	0.88	1.71	1.43	1.45	1.46
Tỷ suất LNT (%)	(0.22)	1.07	0.88	0.91	0.91
Thuế TNDN hiện hành (%)	(49.8)	18.2	18.0	19.0	19.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(37.4)	15.6	23.8	5.02	5.71
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(33.0)	125	3.08	6.35	6.46
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	97.0	63.6	3.84	8.91	5.66
Tăng trưởng EPS (%)	(149)	650	2.30	8.63	5.50
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	97.0	63.6	3.84	8.91	5.66
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	45.2	42.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(1.17)	6.34	6.14	6.41	6.57
ROACE (%)	(3.36)	5.81	5.43	5.44	5.51
Vòng quay tài sản (lần)	2.06	2.36	2.51	2.44	2.46
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(3.36)	1.12	(0.13)	1.00	0.89
Số ngày tồn kho	13.9	17.2	16.4	16.4	16.4
Số ngày phải thu	37.2	49.6	48.2	48.3	48.3
Số ngày phải trả	18.2	40.3	40.1	40.2	40.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	6.34	17.5	22.7	23.6	25.2
Nợ/tài sản (%)	18.7	17.9	18.9	18.8	18.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	557	4.86	5.55	5.46	5.41
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.46	1.38	1.36	1.37	1.38
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.35	0.29	0.28	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	42.9	20.3	20.4	19.5	18.6
P/E (lần)	N/a	28.0	27.4	25.2	23.9
P/E ĐC (lần)	48.0	29.3	28.2	25.9	24.5
P/B (lần)	1.82	1.73	1.64	1.59	1.54
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	1.80	1.80

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn